

Propriété
Privée

VV3

CA TRÙ THỀ CÁCH

歌 籌 體 格

VĂN NÔM

POÉSIE ANNAMITE

QUẮC ÂM THI TẬP

國 音 詩 集

RÚT TRONG CAC XÁP VĂN CHƯƠNG

PAULUS CUA

Chevalier de la Légion d'honneur Officier de l'Instruction publique

Đốc-phủ-sĩc



SAIGON

IMPRIMERIE COMMERCIALE MARCELLIN REY

C. ARDIN, directeur.

1907

Prof. 林文慶
Principal

VN3

CA TRÙ THỂ CÁCH

歌 籌 體 格

VĂN NÔM

POÉSIE ANNAMITE

QUÂC ÂM THI TẬP

國 音 詩 集

RÚT TRONG CÁC XÁP VĂN CHƯƠNG

PAULUS CUA

Chevalier de la Légion d'honneur Officier de l'Instruction publique

Đốc-phủ-sĩ



SAIGON

IMPRIMERIE COMMERCIALE MARCELLIN REY

C. ARDIN, directeur.

1907

歌 籌 體 格

Cũng một tiếng nói, cũng một lời nói, mà có kẻ nói hay, sắp đặt có phép thì ai nấy đều gọi là văn hay. Số là ai nấy đều có một lòng, đều có một trí ý, thây lời nói nhẹ nhàng khôn khéo, đều chịu là hay, chẳng khác thây mùi ngon mà không chê vậy.

Ta thây có nhiều bài văn nôm, như : *ca-trù, văn-tế, thơ ngử-ngôn, bát-cú*, của các tay văn chương làm ra, ta lấy làm hay, ta muốn in ra cho ai nấy xem chơi, cho biết tiếng mẹ đẻ cũng có điệu hay, chẳng đợi chữ nôm mới có văn-chương.

Bình nhứt ta hồ về sự lấy của người làm của mình, hoặc lượm lật đồ cũ lấy ý riêng mà canh cải, nhứt là sợ tam sao thất bản, lạc ý kẻ làm văn.

Nhưng vậy lấy sự ta gọi là hay mà cho ai nấy nôm chung, thì cũng là đều ta có ý chung cùng với mọi người.

CA TRÙ

Ông Lưu-Bị đồn binh Tiểu-bái, thườ còn đương tướng quả binh vi. Ngộ Kỳ-linh thập vạn hùng sư, tri khu chiêm bên thành hạ trại. Lữ-phụng-công dùng mưu hòa giải, phân lương chi xa kích viên-môn. Cung khai như du nguyệt hành thiên, tiền phát tợ lưu tinh lạc địa. Tay cầm dắc Kỳ-linh, Lưu-bị, khuyến lương gia tương giải binh nhung. So trong Tam-quốc anh hùng.

Trận Xích-bích, Tôn, Lưu hiệp lực, ông Không-minh dùng chức hô phong. Thất-tinh đàn hườn nhiều tam trùng, châu vi rộng hai mươi bốn trượng. Họa giác, cang, đầu, ngư chi tượng, ngọn cờ bay trắng đỏ xanh vàng. Bày bửu kiếm giá trường can, sanh kỳ dữ qua mâu tê nhứt. Đùng đùng nổi đông phong gió dật, ngọn cờ bay phới phới đàn tiến. Thiệt là tài vì địa kinh thiên.

Đức Thánh-quan Hạ-bì thưở nọ, thầy Trương-liêu ra dụ hản Tào. Đức Thánh-quan rằng có lời giao, Tào có khứng để cho ta nghĩ: Một là đừng lán la nơi đôi chị; Hai là ta hản Hớn bất hản Tào; Ba là nghe ông Huyền-dức ở nơi nao, dầu ngàn dặm cũng tìm cho biết. Lời gặng vó đình ninh chí quyết, chàng nghe ta, ta cũng dụt xông. So trong Tam-quốc anh hùng.

Ông Châu-công thiệt là tài đại thánh, khi châu hầu lưu phụ Thành-vương. Phải lời gièm đã bợn đuôi lang, chiếc tích lại dạo miên Đông-thỏ. Cây đã có lòng trời tây cô, mười lăm năm xiêm áo thung dung. Mới biết rằng thiên đạo chí công, tâm trung cũng động lòng nhự tử. Trận phong lời dờ thơ thầy chữ, lại rước về phò lập vương gia. Vì dẫu không trận phong ba, thiệt hư ai biết trung tà ai hay.

Tào-tháo xưa gian hùng đệ nhứt, lập Huỳnh-thành hồ thị Giang-đồng. Bàng-sĩ-Nguơn mưu kê tranh hùng, toan gạt Tháo liên hườn cho thiện chiến. Đông phong bắt dữ Châu-lang liện, Đông-tước xuàn thâm tòa nhị kiếu. Chợt thầy tin thủy lâm diên thiêu, Châu-do

mới thừa phong phóng hỏa. Sông Xích-bích đùng đùng trận lửa,
Tào-a-man liệt đóm tối can. Lòng trời dự kẻ khôn ngoan.

Tật phong hàn tuế phân kiên hủy, thời lãnh hồng mao đảng trọng
khinh ; khá khen người chông vững cô thành, vì ân nặng phải lấy
minh làm nhẹ. Con sàng sột thong dong tùy mặt thể, song cũng liêu
tiết đá với gan vàng, miếu Tam-trung nghi ngút khói nhang, dầu
thơm để làm gương thiên cổ. Nhơn sanh tự cỏ thùy vô tử, lưu đặc
đơn tâm chiêu hạn thanh. Mượn lời xưa mà khuyên kẻ trung
trình, mắng thể đạo đã xây nên khí tiết ; cuộc trời đất mở nên Nam-
việt, đem tánh danh mà sánh với sắt son ; nam nhi cuộc đã vuông
tròn.

Trương-lưu-hầu là người Hàn công tử, nội năm đời chung
đình nước Hàn ; tới chung khi quốc bộ gian nan, niềm ưu ái chăm
bể báo phục. Con xông đụt biết mấy lần gai gộc, tới Trần-lưu xảy
gặp Lưu quân ; năm năm ba tác lưởi kinh luân, màn thao lược vì Tân
khôn Hạn. Ở Hán nợ Hàn trả vẹn, túi vương hầu treo gởi gánh
Huỳnh-công ; một mình lui tới thung dung.

Triệu-tử-luông nhứt thân đô thị đóm, trận Đương-dương thân
bị trùng vi : thả hành thả chiến mã như phi, bảo Á-đầu thủ tri
tam xích kiềm. Tứ diện Tào binh thùy dữ Hán, trận tiền hà xứ
thị ngô quân : trước Hạ-hầu-đôn sau Hạ-hầu-ân, một mình xông
tên đụt pháo bày nhiều lần, bảy mươi ba trận giao phong chẳng
vướng. Tào lừng lấy năm mươi bốn tướng, lung lẳng về một mũi
nhi đồng, cờ Thường-sơn ông Triệu-tử-luông, nhứt nhưn địch
vạn, quân trung tướng tài ; làm trai đã đáng nên trai.

Triều-lê-quí có bà liệt tiết, mười chín thu giữ một niềm tấy,
đam tàn dung mà nương chôn am mây, đạo thần tử tình trong
phu phụ. Vạn cỏ gi luân chiêu vô trụ, nhứt tâm trung nghĩa đời
quân vương : lòng kháng kháng trải tâm thiết cang, chén tân khổ
ngọt ngon mùi chánh khí ; đã nên đứng trung thần bất nhị, lại
khác bề liệt nữ bất canh ! vững bên hai chữ trung trinh.

Ba vạn sáu ngàn ngày là mây, cảnh phù du trông thây khéo buồn cười; thói công dâu chác lầy sự đời, tiêu khiến mượn một vài chung lêu láo. Vẫn tông nhứt sanh dy hữu tửu, tâm tư bách kê bất như nhàn; dưới giậu thừa thập thoàng bóng nam san, ngành mặt lại cữu huờn xem cũng nhỏ, xáo trời đất cô kiem kiem cỏ, mảnh hình hài không có có không; lựa là thiên tứ vạn chung.

Nhứt đái Nhi-hà thiên cở nguyệt, ngọn đông lưu xây mây cuộc tang thương. Ngẩn ngơ thay người hoài cở kẻ tư hương, nhắm thành thị lại trông miền thôn ù. Hiu gió mát thuở lạc hà cô vụ, nắn tin đưa chiếu thu thủy trường thiên. Nhứt thình Trâu địch cự sơn xuyên, cảnh sao khéo tách tình chi bấy tả: thuyền ai chạt bên gành tợ lá, trở gió lò mát mẽ ngư ông, khác chẳng Xích-bích tranh hùng, mơ màng bóng nguyệt, lạnh lũng như xưa.

Bắc nam duy sở mạng, trải mười lăm năm vui thú Lam quan; lũ kiên ong mây lúc hiệp tan, cơn sóng gió ra tay buồm lái vững. Con tạo ghét ghen chi bấy dửng, ạch hùng gặp gỡ những làm sao; hội phong vân tri cô biệt dường bao, mình phút bỗng đành rằng nông nổi thê. Hỏi thơ kiem mấy còn linh chẳng nhẹ, nợ tang bỗng trả đặng lúc nầy chẳng; đô ai sửa lịch cho bằng.

So tài tình Túy-kieu đệ nhứt; tuyệt thanh minh ra tào mộ huình tuyền; bán tà dương viêng mã Đạm-tiên, dung vó kỹ xày gặp chàng Kim-trọng. Năm canh tưởng giác hờn thân mộng, sô cô còn nhiều lúc phong ba; chợt tỉnh mê nghĩ nghị gán xa, năm canh những ù ê chịu liễu yêu. Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu, bạc mạng cầm chung oán hận trường; đóa xuân hoa xày gặp cuộc tang thương, kiếp má phân đề nên mình lưu lạc. Gấm duyên sô mười lăm năm chích mát, phận hồng nhan nhiều nỗi gian truân; Tiên đường ai khéo tạo nhân.

Nhơn sanh thiên địa nhứt nghịch lữ; có bao nhiêu ba vạn sáu ngàn ngày: như thoi đưa, như bóng cửa, như tác tay; sức nhớ chữ cở nhưn bình chúc, cao sơn lưu thủy thi thiên trực, minh

nguyệt thanh phong từ nhưt thuyền, người tài tử khách thần tiên ; chén rượu thánh câu thi thần thích chí. Giang san ấy mà thành thị ấy, đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa ; bốn mùa xuân lại thu qua.

Ba vạn sáu ngàn ngày thắm thoát, từ mọc răng cho đến thuở bạc đầu, cái nhục vinh góp lại chữa bao lâu, ngồi thử nhắm thợ trời nên khéo quá ; núi tự tại cứ sao sông bất xá ; chim thì lông, huê thì kiên ; khéo công đầu thừa trừ, từ ngàn trước nhãn ngàn sau, kiệt cuộc mỗi người riêng mỗi kiếp. Nhập thế cuộc bất khả vô công nghiệp, xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân ; mà chữ danh liền với chữ thân, thân đã có ắt danh ầu phải có. Này phút chúc kiem rồi lại cò, có hện chi xưa chẳng bằng nay ; râu mày kia hỡi râu mày.

Chẳng lưu lạc sao trái mũi dương thế, giữa trần ai khôn rõ mặt công hầu ; ngật ngưỡng thay con tạo hóa khéo cơ câu, nhập nháng lại thẹn cho lúng túng. Thân bệ tang bông chung hữu dụng, hơn sanh hào kiệt nhưt vô ưu ; hay gìn lòng đừng mày chút oán vu, thì vị chí ngư long biến hóa ; ấy mới biết cùng thông là nghĩa cả, cũng đừng đem hình dịch ngoại cầu chi. Khác nhau chẳng có một chữ thi, thiếu chi kỳ ngộ, thiếu gì lương duyên ; linh đài một tâm tự nhiên.

Trái non nước xa trông ban tịch chiều, bức phong vân ai khéo vẽ vờ : dưới kim ô con bạch nhận bóng lồi thoi ; dòng bích lãng tiếng ngư ông ca dắng dỏi. Đâu lâm điệu sần tà dương ngoại, thừa tịch ngư ca cò độ đầu, gió trăng thanh xinh xoảng rượu lưng bầu ; non nước biếc bẻ bai cảm mây khúc. Nhân dùng đỉnh xinh xang cây gậy trúc, giục thẳng đông xách túi càn khôn ; thanh thoi trong cõi trần huôn.

Minh quân lương tề tao phùng dị, tài tử giai nhưn tề ngộ nan ; so tài tình nhưt phẩm trần gian, chàng Kim với nàng Kiều thuở nọ. Thương ôi nhẹ mảnh mảnh tơ đò, mười lăm năm đôi ngả sấm thương, người ngán ngư nơi kim mã ngọc đường, kẻ ngao ngáng bước lầu xanh má phấn. Quân hữu hạp trung kính, thiệp hữu cảm thượng huyền, sáu phôi pha khi ngọn nước sông Tiên,

duyên lạnh lẽo buổi ong già huê rụng ; tơ Nguyệt lão xe nào có
vụng, thừ treo gương cho tài tử giai nhân ; sắc tài ai kẻ cảm can.

Tiếc những đứng vãn hơn tài tử, trót đa mang vì một chữ
tình ; nghĩ nguồn cơn thẹn với ông trời xanh, tưởng nông nỗi
giận cùng vâng trắng bạc. Tương thức nhưt thình song lỵ lạc,
khả lân bán điểm nét châu huyền ; trách vì phạm giận vì duyên,
duyên phận những theo tình nên nông nỗi ; dầu dạ sắt gan vàng
cứng rồi, thất ruột tâm bồi rồi càng đau ; tương tư nấy ai để cho
nhau.

CA TRÙ CỎ THƠ

Bút hoa thảo vãn tiên một bức, gởi đưa người tri thức dặng
hay : gắm từ gặp khách đàng mây, ước chừng cung quê xe dây
xích thằng. Khúc Giang lãng cong lòng cạnh cạnh, rắp tìm mai
Thửu lãnh canh ba ; nguyệt năm canh diễn khách hăng nga, thi
một lúc nhớ người hoài viễn : vườn lan uyển nhụy đào phong
kiên, thơ gởi chim còn nề lòng chim ; gành ngân giang sứ điệp
cách trông, thơ nhắn cá còn e dạ cá, có thơ rằng :

Nỗi niềm can có bởi vì ai.

Chích bóng gương loan lược biêng cái,

Đằng đàng một năm dài đặc đặc,

Thâu tình chẳng hỏi khách chương đài.

CA TRÙ PHÚ CÁCH

Nhớ thuở Vĩnh-bình có chàng Lưu, Nguyễn ; hai gã đồng tâm
đồng điệu, một đoàn phi Thích phi Nho ; trên đời thừa thớt mây
go, an lạc xóm lâm tuyền một góc : ngoài cõi thừa ưá hóng mát,
thanh quang gành phong nguyệt đôi phượng. Người Hi Hoàng bỏ
khước nỗi ngày nhân, sự Nghiêu Thuần rửa tai dòng nước chày.
An ngọc tụng pho thanh giản, vượn tới nghe kinh ; lỗ vàng luyện
bánh linh đơn, hạc bay lánh khói. Thân thể đã xa mùi tục lỵ,
tinh thần như tới chôn huyền hư ; gặp ngày đoan ngũ tiết lành,
giăng tay cùng hái thuốc ; vào chôn thiên thai non thắm, lỗ gót
bồng quên đàng ; ném quả đào đòi bữa dạ mê man, ngậm trái
núi lại nhẹ mình thoát thoát. Ren rồi sương vàng mây bạc, canh gà

đầu nghe phượng phát dạ trời, dân dà cội bích ngàn nhơn, vừng ô nọ nôi linh đình mặt nước; vịnh mây tiêng cội ngành chịu lẳng lú, chực đòi nàng cửa động đứng song song, chịu dương liễu thiết tha, đón rước nôi mắng mắng, then then; dạng phù dung tươi tốt, mắng rở bề lả lả, quen quen. Ba sanh sao khéo hện hò, một phút xảy nên lẳng lú.

PHÚ VƯƠNG LẮNG.

Trời nam vặc vặc, nguyệt dải lâu lâu, bề đông nam kinh ngạc khâu đầu, rùng tây bắc sải lang giầu vút. Nền vương bá vững an rường cột, nhà thôn dân chặt đóng chốt then. Sĩ chăm chăm kinh thánh truyện hiền, nông cạy cạy cày mây cuộc gió. Nhớ xưa tích cũ, Hồn Vương-lặng người đất Bái-trung, gặp phải thì Hán-Sở tranh hùng, Lặng chỉ độc một lòng thờ Hán.

BẢ GI THỨC TÊ THƠ.

Danh chàng thạm, mà lợi chàng mê,
Ây gan hay sát hỡi Gi, Té.
Gặp xe vua Vô tay cầm lại.
Thầy thóc nhà Châu mặt ngành đi.
Cô-trước hôn về sương mịt mịt,
Thú-dương danh để đá tri tri.
Câu nhơn chi đặc nhơn mà chớ,
Chàng oán ai ai lại oán chi.

HẠT ĐẠI THẠCH.

Ngọc từ nghe tiêng vắn vi, thốt thôi lại nôi bàn mi sự tình; hội này lừng lẫy dưới trên, vui này gặp hội thiên duyên dấu lòng; ngọn cờ đánh núi xa trông, no nao lan quê hiệp cùng trước mai; trách thay ô thước nữ hoài, có chi sao bỗng lạc lải chôn tiên.

HẠT HÀM CÁCH.

Tiêu xuân ngành lại trông xuân, thương ôi bóng đã vắn vắn xê chiếu; linh đình duyên nợ phận bèo, tròn làm sao khỏi nước

triều nước vơi. Lâm dâm sù với trên không, khứng rằng tương
ngộ tương phùng côi xa. Ngẩn ngơ đứng gốc mai già, hỏi thăm
ông Nguyệt có nhà hay không.

Đêm qua chớp bể mưa nguồn, hỏi người tri thức có buồn
cùng chăng. Ngọn đèn tàn thấp thoảng bóng trắng, ai đem người
ngọc xung xăng chôn này. Lộ đò diêu viễn xa xuôi, thuyền tình
chờ một mình tôi nặng gì. Tuyết sương rụng lá từ bi, hàng nga
láng đảng chơn đi ngập ngừng.

Nước hồ tây lẻo lẻo như gương, tóc mây biêng chải mặt dường
bể bai; thân thơ đứng dựa gốc mai, bụng tôi tôi biết, bụng ai
tôi nhảm. Chánh phong hai chục năm thiên; Châu nam mười
một, vôn truyền nẻo xưa; Hậu phi có đức quan thư, gia nhưn
mãng thầy hứng thừa ngời khen.

PHAN VINH CÁCH

Vân vân sức nhớ sự tình, biu đòi mây nước rập rình nên quen ;
con thảo muội anh hùng mới tò, đất Bồ-châu dầu có vì nhưn.

Gió nam phong thổi động lá ngô, nghĩ non nước càng thêm buồn
bà; sóng gập ghình mượn cơn gió cả, nhận lơ thơ cách áng mây
tuôn. Tới Vô-lăng đón hỏi chàng ngư, cảnh đảo nguyên hã còn
bao nã, một con thuyền tiêu đưa đôi ba ngã, biết rằng đâu biển ái
nguồn ân, sông ngô sóng dậy tang bâng.

Kia ai chôn Long-trung cao ngọa, chẳng là người quê ở Lang
gia: lều bạch mao đảng hã còn xa, bàn bạc chia ba rông thiên hạ.
Lưu-Huyền-đức ba phen uông giá, hủy kỳ thân hứa dữ trì khu;
lên tây sơn lấy bức họa đồ, cầm nang mới bày sang Ngô thị. Độc
kê tuyết phò suy chi chí, bát trận đô danh để tạc bia, ây ông
Gia-các khôn bì.

Xem Quốc-sắc-thiên hương thiết lục, đứng sĩ nho có người
Vô-kì-sanh: đao kia trận, bút kia thành, hào huê khí hai vùng

tinh đầu. Niềm xuân sắc ân cần nhứt mạo ; thầy Châu-sanh mừng rỡ tương tư, nức mùi xạ bén hương đưa, trông mây tỏ sự tình khê khoát : thanh giang mặc trắc vô tâm nguyệt, xuân hạn lưu liên đắc ý nhưn. Chàng Sanh từ chiêm băng xuân, vinh qui bá tử, động loan phòng quê hộ, ấy mới biết thiên duyên kỳ ngộ, dầu gi hươe gì thủy mã chi, đành thay quân tử cập thi.

Tật phong tri kính thảo, bản đặng thức thành thân. So cò kiêm mây đứng trung quân, âu chưa dễ Trần-canh họ Lý : thung dung tựu nghĩa ư diên phái lưu lý chi tê ; rắp ghé vai sửa lệch phò nghiêng ; tuy nhưn mưu mặc thẳng hô thiên, phải tựu nghĩa cho đành lòng thần tiết. Trung hiệu nhẹ phò đồng nhứt nguyệt, chữ cang thường vạn cò lưu danh ; Nam-san họ Lý trần canh.

CÁCH HÁT VINH

Khá khen ông Lữ-vọng, chôn thạch bản tuổi tác riêng ngôi : chỉ một cân vuôi bóng trắng khôi, eá Vị-thủy luông trông mỗi thao lược. Bồng chóc thầy năm mây dưới nước, bóng xe loan kẻ rước bên sông. Hội long vân ngư thủy lạc đồng, thỏa nhứt trận anh hùng cân trước ; khắp bốn bề xa gần trong trước, tuổi tám mươi đành túc thừa quân, ra tay sửa túi kinh luân.

Chôn Na-sơn tiêu phu nưong ngụ, ngày ngày ra hoán tửu diệc tân, chôn yên hà vui thú dưỡng thân, kho phong nguyệt vôn hằng lưu loát. Khi nghỉ ngơi ngôi chơi hóng mát, bản bạc xem cò vãng kiêm lai, gò nhịp chơn miệng dảng ca thái, nghêu ngao thú lâm tuyên thông thả. Có chữ rằng : Nhiệm tha thành thị tha xa mã, tri trần bất đáo thử giang san, vân mịch mịch thủy san san, sĩ hữu chí nhiệm kỳ sở thích. Buồn thay nhẹ thú miến thôn tịch, sản nước khe gạo đòi cùi rừng, tánh quen cuộc gió cày trắng.

Lý-thái-Bạch tài ưu học sĩ, vua ban cho áo xứ hữu tiến : từ nhứt đầu thi bách thiên, tài gồm cả cửu châu thiên bá, róng đáy nước chờ ngày hiên hóa, băng vàng treo trên các đành rành ; đạo bên màn thầy lù thơ sanh, ngâm nga lại cho câu cảm tú : dạ tịnh phát kham đế tuyệt cú, khùng kinh tinh đầu lạc giang hàn,

thì để thôi cát mái chèo ngang, lại về chôn tích lâm từ hạ. Thơ sanh mới biết tài gồm lạ, so trong đời dễ mấy ai tày; chăm lán trái gió năm mây.

Huỳnh-công-cái dùng khổ nhục kê, sai người Hám-trạch sang hiến tra hàn thơ, trời năm canh lương những đợi chờ, tam canh bán đôn binh thủy trại. Kẻ tuấn du thầy thuyền bắt lại, để cho Tao cật vắn gian hung. Tào nhen nhen diện bát cái dung, cường trung ngộ cường trung thù đoạn, ấy là chức hòa công nhà Hán, dùng kê ra tại đảng quân sư, chữ rắng thiện độc binh thơ.

Nhơn sanh quý thích chí, tu phú quới hà vi; nhi kỳ nhi tửu nhi cầm nhi thi, thú lịch thú an bầu tự lạc; an phận thân vô nhục, tri cơ tâm tự nhàn; mãng vui chơi tửu cúc thi dờn, năm cung gây tiếng khoan tiếng nhật, cụm nhụy đào gấn chặt, chổi đôn què khoe tươi, một năm là mười hai tháng thành thơ, ba vạn sáu ngàn ngày thông thả. Chữ thích chí rắng rắng đã thỏa, mặc dầu ai xa mã thị thành, màng bao nẻo lợi đường danh.

THƠ NGŨ CANH

Chạp tối trời bày dạng đầu tinh,
Ban hôm trông một mới thu canh.
Đầu nhà khói tỏa màu sương bạc,
Sườn núi chim kêu ản lá xanh.
Tuần xóm kià ai rao mò cá,
Dâng hương cảm kẻ nặng chày kinh.
Nơi nơi trò chuyện đều no âm,
Mãng rở âu ca khúc thái bình.

Thập thoảng gấn xa khách vắng lai,
Khúc rông canh đã chuyển sang hai.
Lâu treo cung nguyệt người êm giấc,
Đường quanh nhà thôn cửa chặt gài.
Lêu trại nơi nơi đem lửa nhúm,
Cỏ hoa chôn chôn đượm sương rài.
Thành thơ hứng chí còn chưa ngủ,
Đoàn địch vài hơi trời mái ngoài.

Đêm đà hâu nửa nửa đêm mà,
Đieu đầu trên thành trông điếm ba.
Dưới cỡi leo heo hơi gió mát,
Trên không lác đác hột sương sa.
Bâng khuâng trướng cảm hồn thần nữ,
Vắng vẻ lầu cao bóng tô nga.
Nhớ chủ lạc loài nằm chẳng nhấp,
Mơ màng trần trọc đợi canh gà.

Kẻ mẫn canh đà mây khắc dư,
Đêm trường đằng đằng mới sang tư.
Cửa nhà lặng lẽ say tin điệp,
Gió sóng lai rai rùn chí thừ.
Chim vịt thảng thơ ngoài nội quanh,
Cá tràu chim nỏi về sao thừa.
Hỡi người chân mạng trên muôn triệu.
Xa vọi phương trời giặc đặng chưa.

Đêm trường đèn hạnh lửa lăm nhăm,
Xao xác canh gà trông điếm năm.
Nguyệt dán da trời cao vọi vọi,
Sương sa mặt đất ướt đầm đầm.
Bé thơ trẻ học còn chưa dạy,
Già cả nhà nông mới thức nằm.
Bóng thò phương đông hâu rạng tỏ,
Tiếng kinh thêm nỏi tiếng hàn châm.

NGŨ CANH THƠ XƯA

Màng còn áy náy nỗi thân sanh ;
Vàng vàng trên lầu điếm một canh.
Lửa đóm lem nhem vừa nhúm củi ;
Đèn trăng thập thoán đã soi manh.
Vỏ lòng lán thân than đầu bạc ;
Tường thưở xuân xanh hồ tóc xanh.
Thoạt giận lại buồn buồn lại giận ;
Công lênh chi uổng hời công lênh.

Nỗi nước nầy còn hỏi ai ;
Canh sao thoát đã trở sang hai.
Nửa vầng gương nguyệt vừa kê mặt ;
Một dãy sao ngàn mới gác tai.
No âm thân nầy mang nợ chúa ;
Cao dày nghĩa nợ trả công tôi.
Mơ màng vui sướng hoa gương già ;
Nay chẳng nên chi hưởng lựa mai.

Chạnh lòng khoản khoái tưởng lo xa ;
mới đó sao canh đã điếm ba.
Sương bùa hòa trời sao rải rác ;
Tuyết dăng khắp núi nguyệt dân già.
Bằng khuâng sâu thúc khôn ngăn lụy ;
Bức tức buồn tuông biêng nói ra.
Những mảng so đo tìm lẽ hỏi ;
Hỏi ai hơn hỏi tâm lòng ta.

Canh khuya trần trọc lại để thư ;
Ai ngỡ canh sao đã điếm tư.
Cửa hé mưa bay mưa phới phới ;
Đèn trăng nguyệt giai nguyệt mờ mờ.
Sương dấm ngọn cỏ nơi nơi xếp ;
Gió động nhánh cây lá lá đưa.
Thầy kiếng động tình tình cảm kiếng ;
Trách ai sao khéo có bơ thờ.

Ái ngại lòng đơn khó nỗi nằm ;
Đông hồ thè đã tới canh năm.
Xao xao cuối biển thuyền chài nổi ;
Vàng vằng đầu non thức nguyệt trâm.
Anh òi gà diêng hơi nhật thục ;
Bĩ làm ngựa khách vó lăm chằm.
No nao chóng thầy vắng hồng lô ;
Cho bỏ đêm nầy kéo nhọc thắm.

TRÔNG CHÔNG THƠ

LỤC CHUYỀN NGÂM.

Gương tà nguyệt xê đã ngoài song,
Hắc hẻo trông sao quá rất trông.
Thương bày thiết tha lòng héo liều,
Nhớ thêm vàng vò má phai hồng.
Vương sâu xiết kẻ chi người bắc,
Ý tuôi thêm buồn-bả chạnh đông.
Chẳng hỏi biết ai chẳng thăm bực,
Loan hàng viết thảo tả tình chung.

THƠ VỌNG PHU

Đá tạc hình ai đã mây đông,
Con thơ tay âm luông trông chông.
Mưa ngâu tuôn lụy nhâm ngàn bắc,
Gió nữ xui sâu dọn biển đông.
Rạng đất rạng trời thêm rạng tiết.
Cùng non cùng nước dễ cùng lòng.
Khá khuyên má phấn trâm thu dưới,
Lây đó làm gương sửa tánh lung.

THU VI NGÂM.

Há dễ thương cô gái có chông,
Thương vì một nỗi chạnh phòng không.
Thương con bướm bạc mưa xơ xác,
Thương nụ bầu non tuyết lạnh lung.
Thương vợ chông âu duyên chích mát,
Thương cha mẹ nhện số long đông.
Thầy người thanh lịch mà thương vậy,
Há dễ thương cô gái có chông.

Non nước tan tành hệ bởi dàu,
Một vầng mây bạc ở Ngao-châu.
Ba triều công cán vải hàng số,
Sáu tỉnh cang thường một nhâm thâu.
Trạm bắc ngày chờ tin nhận vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quiên sầu.
Đình ninh chín chữ lòng con tạc,
Trời đất từ đây bật gió thu.

Đũa mắc ghẻ ruồi đũa lác voi,
Bao nhiêu xiêm áo cũng tro mồi.
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
Đũa ninh hàm râu mây sợi còi.
Trên đỉnh có nhà còn lợp lọng,
Dưới chơn không ngựa lại giơ roi.
Hèn chi chúng nói bội là bạc,
Bôi mặt đánh nhau cú lại thoi.

Thảo đâu dám ví kẻ cày voi,
Muôi xát lòng ai nấy mấn mồi.
Giúp Hán còn nhiều trượng cột cả,
Về Tào chi sá một cây còi.
Thúc tình nhớ mẹ khôn nâng chén,
Roi lụy cùng vua biêng nặng roi.
Chẳng đặng khôn Lưu làm đại Ngụy,
Thân nầy gác để ngoại dòng thoi

GÀNH MÓM THƠ.

Tượng mắng non xanh tác chẳng già,
Cớ sao gành móm lại gio ra.
Chòm rong lộp xộp râu Bánh-tổ,
Chơn đá gio gie nớu Từ-nha.
Nước súc lêu lao cơn sông dợn,
Khăn lau cột quệt thức mây qua.
Thè be muôn hỏi xuân thu mây,
Rằng thuở thiên khai đã có ta.

TRINH NỮ THƠ.

Bây lâu còn giữ tâm lòng son,
Duyên trái xin đừng ép uổng con.
Hát bắc đờn nam khôn gặng nhịp,
Nổi tròn vung méo dễ in khuôn.
Thà đam lá rụng trôi dòng biếc,
Nỡ để hoa thơm nhúng chậu bùn.
Trách bây ông tơ xe chặt mồi,
Ôm lòng cam chịu nước cùng non.

VỢ ĐƯA CHỒNG ĐI THI THƠ.

Những thuở bên đông bóng mới lò,
Đưa chồng xuống đó mãng lân mò.
Ngàn trùng cửa võ xin chàng gắng,
Muôn mối nhà đơn mặc thiệp lo.
Trướng phụng vui vầy chưa toại mây,
Sân rộng rạng tiết mới thơm cho.
Một mai dầu đặng vinh nhành quê,
Tâm mường xin thương thuở học trò.

Mười năm đèn sách nhọc công dòm,
Thi đồ ba trường tiếng nức om.
Phi chi nam nhi con trẻ choảnh,
Đến ơn cục dục mẹ già còm.
Trên đầu lọng lợp màu xanh lét,
Dưới võng áo ban sắc đỏ lòm.
Nhờ chút ơn vua về bái tổ,
Mãng lòng lên ngựa nháy lom xom.

CỐI XAY THƠ.

Công danh trên thế đồ ai tẩy,
Ra gạo cũng nhờ cái cối xay.
Một trận chi sơn cơn gió bụi,
Trăm vòng nào nại sức long lay.
Mòn răng hết dạ đến ơn chúa,
Trặc họng khen ai khéo đặt bày.
Bao quàn thớt trên mòn thớt dưới,
Hêm vì còn giặc phải ra tay.

ĂN GỎI CÁ SANH CAM THƠ.

Giăng tay bắt đặng cá con con,
Ăn gỏi sanh cam quá rất ngon.
Chanh chua hòa với rau mơ núi,
Mắm nục lộn cùng chuối chát non.
Vật vả trên tay tươi rói rói,
Đưa ngay vào miệng cắn giòn giòn.
Mấy đã sa cơ về kiếp ấy,
Tao đưa một chén rồi linh hồn.

CHỆC LAY CON MÊN THƠ.

Gãm lại ông tơ khéo đá đoan,
Ai xui chồng Chệt vợ Cao-Man,
Hia thì để chóp răng như phân,
Nàng vận chần vắn mặt tợ than.
Hia gọi ăn cơm rằng xức phạn,
Nàng kêu uông nước phát tức lang.
Mai sau có phước sanh con cháu,
Hai nước giao hòa thuộc cháo chan.

NGHE EM BẬU CÓ CHỒNG THƠ.

Trăm năm dộc kết ngời tơ hồng,
Phường phật rầy nghe bậu có chồng.
Chát chát lỗ tai gán muồn điếc,
Rưng rưng nước mắt chảy khi không.
Mai về non lạnh mai tìm bạn,
Cá ở sông tương cá hóa rồng.
Thục nữ làm chi đều bạc ác,
Thuyền quyền lại phụ khách anh hùng.

TÔN PHU NHƠN QUI HẠN THƠ.

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tùng,
Ngàn năm rở tiết gái Giang-đông.
Ở Ngô bịn rịn vùng mây bạc,
Về Thục trau tria phạn má hồng.
Son phân nữ đem giầy gió bụi,
Đá vàng đầu đe thẹn non sông.
Ai về nhắn vôi người Công-cần,
Thà mất lòng anh-đặng bụng chồng.

HỰU HỌA NGUYÊN VẠN.

Cài trâm sửa áo vẹn câu tùng,
Mặt già trời chiếu biệt côi đông,
Khởi tòa vùng Ngô xen thức bạc,
Duyên xe về Thục đượm màu hồng.
Đôi bên tơ tóc bên trời đất,
Một gánh can thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn-quyên anh có biết,
Tôi ngày thờ chúa gái thờ chồng.

ĐƯA ĐÒ THƠ.

Trời biển linh đình một chiếc đò,
Đò ai thâu đặng tâm lòng vò.
Buồm loan thông thả khi trưa trặt,
Bãi hạc nghêu ngao lúc tối mò.
Chi sợ miệng lằn lời uôn éo.
Nào lo lưởi môi giọng quanh co.
Đâu vui cho bằng miến trắng gió,
Ba bảy nhành mai mặc kiên bò.

HỰU THỀ.

Trời biển linh đình thú rất ưa,
Giang tân rước khách sớm cùng trưa.
Thuyền loan nào quản cơn xuôi ngược,
Chèo què bao nài mái nhật thừa.
Phỉ dạ thuyên quyền khi đợi rước,
Mặc lòng quân tử lúc mời đưa.
Trăm năm còn tạc cây da cũ,
Bên liểu xin tình đoái khách xưa.

MẸ GÀ CON VỊT THƠ.

Lời tục xưa nay ví cũng thường,
Mẹ gà con vịt thiết tình thương ;
Nàng niu cũng tưởng nên da vóc,
Khôn lớn nào ngờ khác thịt xương ;
Cắc có bởi ai xử tráo chác,
Nhọc nhàn nên phải gắng toàn đương ;
Một mai dầu nhẩn nên lông kiên,
Chớ phụ thân này chịu nắng sương.

THƠ HỘT GẠO.

Giã từ đồng ruộng dạo xa chơi,
Lớn bé ai mà chẳng cậy hơi.
Cỏi giáp vàng kia phơi chôn chôn,
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi.
Ông cha giúp nước đã ghe thuở,
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời,
Vi thê liểu mình cơn nước lửa,
Ai mà có biết hỏi ai ơi !

THƠ MIÈNG SÀNH.

Rủi tay một chóc hóa tan tành,
 Đên thê còn kêu tiếng sòi sành,
 Sắc lêm đường gươm người góm mặt,
 Rán sao ra mở chúng kiêng tình.
 Ghe phen ló mũi nằm trong cát,
 Nhiều thuở làm chông đứng mặt thành.
 Chuông trông nhà ai đậu dâm sánh,
 Gỏ chơi cũng có tiếng canh canh.

THƠ CÂY BÁP.

Luông chịu ba trắng trần cõi bờ,
 Thương vì một chút chúng dân thơ.
 Nghe oai thích lịch ôm con đở,
 Nương lịnh nam phong phát ngọn cờ.
 Miễn đặng an nhà thêm lợi nước,
 Chi nài dãi nắng với dâm mưa.
 Biền hổ lai láng tâm kinh lặng,
 Giải giáp một khi cả thảy nhờ.

THƠ CÁ THIA THIA.

Đổng loại sao người chằng ngờ ngàn,
 Hay là một lúa phải nông gan.
 Trương vi đồ sộ vãi ngang nước,
 Đâu miêng hơn thua nửa tác nhang.
 Ướm sức giầy lâu đà tróc vảy,
 Nín hơi trót buổi lại phùng mang.
 Ra tài cửa võ chưa nên mặt,
 Các cơ khen cho khéo nhọn nhàng.

THƠ TRĂNG NON

Khen ai các cơ bằm trời tây;
 Tỉnh thức Hằng-nga khéo vẽ mây.
 Nửa phiên linh đình trôi mặt nước;
 Một vành lững đùng dấn chơn mây.
 Cá ngờ câu thả tới bờ lội;
 Chim ngờ cung trương sập sập bay.
 Miêng thê chớ chê rằng chích-mác;
 Một mai tròn trịa bốn phương hay.

THƠ ĐI GIA ĐI TU

Chầy kinh động tỉnh giấc Vu san;
 Mái tóc qui y nửa trắng vàng.
 Đai kính thử soi màu phân lợt;
 Cửa Không đành gởi chút xuân tàn.
 Tỉnh hồn hoa liễu vài câu kệ;
 Nương bóng tang du một chữ nhàn.
 Ngánh mặt lầu xanh xem những trẻ;
 Trăm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

THƠ CÂY VÔNG

Uông sanh trong thê mây thu đông;
 Vông lớn làm chi vông hỡi vông.
 Rường xoi cột trở chưa nên mặt;
 Dại mong rào thưa phải dụng lòng.
 Da thịt càng già càng lộp xộp;
 Ruột gan chằng có, có gai không.
 Mới biết cây nào sanh giống ấy;
 Qua xuân bốn tợn cũng đơm bông.

THƠ CON TRÂU

Mài sừng cho lắm cũng là trâu;
 Gãm giông chi chi thật lớn đầu.
 Trong bụng lam nham vài lá sách;
 Ngoài cầm lém đém một chòm râu.
 Mặc mưu dốt dít tới bờ chạy;
 Làm lễ Bôi chuông giơn giấc sâu.
 Nghé ngộ một đời quen nghe ngộ;
 Năm dây đòn gậy biết nghe đầu.

THƠ CON VOI.

Giông chi đồ sộ đứng kia cà:
 Chằng phải là voi cá một gà.
 Đầu lớn lưng tôm kẻ bôn dưng;
 Voi dài miêng lợn chời hai ngà.
 Đã từng vì nghĩa cày non Lịch,
 Sao khéo đất đều giậm má nhà.
 Quê quán người xưa nơi Tượng quận,
 Sang chơi Miên-diện với Xiêm la.

THƠ CON RẠN

Mặt mũi mấn-ri cũng có râu ;
 Cả đời chẳng biệt dụng vào đầu.
 Xon xao trên mào chưa nên mặt ;
 Lục đục trong chân cứ giục đầu.
 Khuây ngựa gầy dân chi khác một ;
 Ra công béo nước chẳng bằng trâu.
 Khéo sinh trong thế chi cho nhộn,
 Có có không không cũng chẳng cầu.

TAN CUNG OAN

- ¹ Khói tủa cung a, sương lông đôn bá.
Xuân tín ngỏ cùng con điệp sứ,
- ² Phương tâm đành thẹn với long nhan.
Nẻo tuổi xanh xây gặp bụi hồng,
Thuyền ngư phủ đưa vào động bích ;
Khách má đỏ tặng đeo phận bạc,
- ³ Chỉ nguyệt ông dắc lại lầu son.
Về vắng chẳng một tiếng cung nhưn,
- ⁴ Ngạo ngán cả mười nguyên thất nữ.
Cầu hồng giậm tiếng giày tợ sấm,
Xô bỏ dưới nguyệt gót kim liên ;
Các phụng chen bóng bụi đường mây,
- ⁵ Lấp lẳng trong gương da bạch ngọc.
Đài loan nọ thôi cười với nguyệt,
- ⁶ Nệm túy kia lại ủ cùng hoa.
Nét mày xanh, từ cái lá cũng ghen,
Cầu khiến hững, đành chìm dòng nước chảy ;
Lăn môi đỏ, tới con chim cũng ghét,
- ⁷ Giấc thừa lương, nên lạc bóng trăng tà.
Nghĩ thân duyên tắng rơi nước mắt thấm,
- ⁸ Nghe thế sự bỗng đồ mô hôi trộm.
Cung Kì thủy, lúc nì non tiếng dề,
Trướng thu phong, lạc bạc quán huyên xưa ;
Cửa Hàm-quan, khi đôi ôi ngọn đào,
- ⁹ Rèm tà nguyệt, ủ mùi la ý cũ.
Quá ngán nhẹ, cửa bạch cu một phút,
- ¹⁰ Nực cười thay, tranh thương cầu trăm hình.

- Con hươu bách nhị, lạc loài đầu,
 Hoa cò ngậm ngùi vườn thượng huyên ;
 Cái én tam thiên ngơ ngẩn đây,
¹¹ Mây mưa bát ngát đánh Vu phong.
 Tiết đã đành mái tóc kiêu sanh,
¹² Duyên chẳng nhuộm môi tơ lai thê.
 Ví thân đã lầy hương cầm dịch,
 Cỏ Lê-sơn đành lập tóc da rôi ;
 Dầu phận còn để lá ngự cầu,
¹³ Trăng Tri-thủy hãy cảm hơi bóng lại.
 Hộp ngọc nữ sương còn ướm đóng,
¹⁴ Tiếng chơn nhưn gió đã xa đưa.
 Dòng Đào-đường tuôn róc rách dưới sông Lưu,
 Mẹ xà khóc bên đàng nghe cũng tủi ;
 Mây Man-lãnh, chơn vờn về đất Bái,
¹⁵ Chì Trì theo trong núi nghĩ mà thương.
 Thấy bóng cò ai chẳng rượu dề màng,
¹⁶ Nghe lạc ngựa đầu không đờn sáo rước.
 Bên Chi-đạo xê vòi ngựa phàn,
 Dòm thầy lòng bắt nhãn những thăm thì ;
 Trước kim lâu xiêm bụi áo bùn,
¹⁷ Vâng biệt ý dục lưu mà khép nép.
 Dòm khí sắc đều nên năm về,
¹⁸ Gẫm cơ duyên ắt trọn ba sinh.
 Tinh cờ bông gặp hội rồng bay,
 Au lửa bén hương lây cho đáng số ;
 Giải câu hoặc chìm hơi khi tắm,
¹⁹ Đẻ hoa trôi nước chảy cũng oan tình.
 An quan giả đã thật chúa ái nhưn,
²⁰ Thì thánh thế có để ai oán nữ.
 Au ca thuở về cùng Thuận Võ,
 Cao-giao, Hậu-tắc nào ngăn ;
 Huyền hoàng xưa lại với Thang Văn,
²¹ Y-doãn, Châu-công há-cầm.
 Nay trong trướng chưa chút chi đợm mặt,
²² Mà ngoài sân đã lắm tiếng ôi tai.
 Ngán ngẫm thay, nắng chẳng thương hoa,
²³ Ngạt ngào bày mây không xót nguyệt.
 Ngọn xích xỉ ùn ùn về Bá-thương,
 Hoa trôi nước chảy lạt lẻo thay tình ;

Má Lam-diên dứt dứt đề Quan-trung,
²⁴ Phân cuốn hương phai bí bản bầy phạn.
 Lặng thì những đeo sáu ngậm túi,
²⁵ Nói ra đường ép đầu nài yêu.
 Úp bánh xe những tội Lý-tư,
 Nào ai đăm nhứt tiêu khuinh thành,
 Mà gương Võ nhè vong Tần cho đáng ;
 Giơ vọt ngựa nức danh Châu Võ,
 Lây ai đủ thập thân phụ quốc,
²⁶ Mà thấy nho rằng trợ Kiệt mà tin.
 Quáng còn người không nhắm cuộc tang thương,
²⁷ Đánh lá lưới bồng giếm duyên phân đại.
 Mặt bán thịt mới mua danh năm nọ,
 Chẳng qua vì di nó đánh ghen thay ;
 Gan cấp dùi làm mất vía ngày xưa,
²⁸ Hân thật vì chúa mình gây giận mãi.
 Sức bao nà cũng xon xao dưới bệ,
²⁹ Trung với ai mà thò thẻ bên màn.
 Thật những loài bữu ngọc mê tình,
 Ngăn giọt dãi phú ông thời cũng phải.
 Nào những thuở dựa hương chực phân,
³⁰ Dứt tâm lòng du tử thể cho đang.
 Thuở đông cư lòng sớ háo nào chịu,
³¹ Nay tây nhập thể hữu vi mà cầm.
 Một là giựt mình oai chín quận,
 Sẽ bước ra dọi tướng quân vào ;
 Một là theo đầu thú năm hồ ;
³² Để liền lại lừa Tây tử bước.
 Đã dăng ghét một liêu thuốc độc,
²³ Lại xãng vãng ba tác lưới mêm.
 Bối lè loi vì phạn khách bình bông,
 Lăn kim giáp dè hơi hương chẳng thâu.
 Ví may mắn đường duyên ai cơ trử,
³⁴ Nét bích y chưa chút bụi nào rơi.
 Lượng bao dung đầu nhẫn hẹp hòi,
³⁵ Tư mình đặc có đầu lăm lối ;
 Chẳng nhớ thuở nép cây xanh nghe lạc ngựa,
 Thập thoán bóng dù dạng kiệu.
 Mà than rằng chí cả trượng phu ;
 Tới lúc nầy ngôi lâu ngọc nhắm tranh người,

Xon xao đầu vòng chơn hài,
³⁶ Lại làm ngành cái sang hoàng đề.
 Tuy cách bức khách còn là khách,
³⁷ Song trong gương mình lại yêu mình.
 Gương làm màu háo sắc ngày xưa,
 Thời chí bất tiêu, mặt nào cũng không tài ghét ngọc.
 Ví đèn nổi kết duyên đêm nọ,
³⁸ Thời chí tại trung, tay nầy toan hơn dạ ghen vàng.
 Gương trong đuốc sáng mặc lòng trên,
³⁹ Cỏ áy huê hèn dành phạn dưới.
 Nơi hang giá phỏng hơi dương còn cuốn,
 Ất trong nước ai chẳng thân thiệp,
 Lại phỏng tiêu cung quê cũng cam lòng.
 Chôn non kinh đầu về ngọc còn lăm,
 Thời dưới trời đầu cũng giang san,
⁴⁰ Dầu cửa trúc nhà tranh càng mát mặt.
 Sô là bởi tiếc chung mới nói,
⁴¹ Há rằng còn giận mich mà thừa.
 Xin chớ cười lời khách kiêu si,
⁴² Dám gởi lay đức người hoát đạt.

VĂN QUÂN TIEN QUÂN TÊ CAC TƯỞNG SI TU TRẬN

Trời Đông-phổ vụn ra sớ kiềng, trái mây phen gian hiem mới
 có ngày rày,
¹ Nước Lur-hà chảy xuống Linh giang, nghĩ những kẻ điều linh
 những từ thuở nọ.
² Đã hay sanh là kỹ, mà tử là qui, nhưng mà mạng ấy yêu mà
 danh ấy thọ.

Nhớ ai nấy xưa :

³ Tình dưới hiên mao, phạn trong giải trụ.
 Ba ngàn cấp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chí nam nhi ;
⁴ Trăm năm vẩy bờ cõi non Kỳ, cơm áo nặng dày ơn cô chúa.
 Trao thân cho nước, son sắt một lòng ;
⁵ Trọn nghĩa cùng thầy, tuyết sương mây độ.
 Kẻ thì theo kẻ lữ bước qua miền khách địa, hăm hồ mài nanh
 trở vút, chỉ non tây thể chẳng đội trời chung,
⁶ Kẻ thì cuốn viết mao trở lại chôn sơ cơ, dập diều dựa cánh
 nương vai, trông cõi bắc quyết thâu về đất cũ ;

- Năm gai nếm mật, chung nổi ân ưu ;
 7 Mở suối bắc cầu, riêng phân lao khổ.
 Trước đã trải Xiêm-la, Cao-mên về Gia-định, mới lần ra
 Khương-thuận, biết mây lúc sơn lam hải lệ, trời cao quang
 soi xét tâm trung trinh ;
 8 Rồi lại từ Bàn-thạch, Quảng-ngài đến Phú-xuân, mà thàng tới
 Thăng-long, biết mây phen võ pháo vãn thê, đất Lũng-thực
 lăn vào nơi hiểm cô.
 Phận truy tùy gấm lại cũng cơ dươn,
 9 Trường chinh chiến biết đâu là mạng sô.
 Kẻ thì theo chơn ngựa quyết giựt cờ trong trận, xót nhè ! gan
 vàng, mà mạng bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay ;
 10 Kẻ thì đứng mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương
 thay ! phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mạc bèo
 trôi sóng bô.

Ôi !

- Một niềm trung nghĩa, lẽ sô đoàn tu,
 11 Nửa cuộc công danh, chia người kiêm cố.
 Tiếc là tiếc mảnh xương đồng da sắt, thanh bửu kiếm đã trăm
 rèn có sẵn, âm no nên trả đến hình hài ;
 12 Thương là thương tâm dạ đá gan vàng, bóng bạch cu xem nửa
 phút như không, giày đội chưa cam trong phê phủ.
 Phận dẫu không các tía đai mây,
 13 Danh đã khắp ngàn cây nội cò.
 Cảm vì kẻ theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương,
 nếm tuyết, những mong xem cao tháp bức cân thường,
 14 Chạnh thay người lạc bước giữa đường kiếp đã về cõi xuôi,
 làng mây, nào kịp thầy ít nhiều hơi vũ lộ.
 Ngọn còi tức nguyệt nơi trời nơi reo,
 15 Láng cỏ ngàn hoa chôn tươi chôn ủ.
 Vàng Thượng đức ngự hồi loan thán trước, đoàn ững nghĩa
 từ Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh mới đó, gọi ân quang reo
 dậy dưới đèo Ngang ;
 16 Những quân nhơn từng thượng trận ngày xưa, cấp thưởng công
 từ Ngộ, Mùi, Thân, Dậu đèn này, treo tánh tự để năm sau
 lá sô.
 Tình xưa ngao ngán nẻo tà ô,
 17 Dầu cũ ngậm ngùi đường lạc thô.

- Đã biết đứng anh hùng thì bất quản, trăm trận một trường
 hoành liệt, cái sanh không cái tử cũng như không ;
 18 Song trách con tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm mây hội tao
 phùng, phận thì có phận chung sao chẳng có.

Bốn trước nay,

- 19 Vàng lệnh biên phòng, chạnh niềm viễn thú ;
 Dưới cửa nức mùi chung đánh, chạnh nhớ khi chén rượu rót
 đầu gành ;
 20 Trong nhà rạng vẽ áo xiêm, chạnh nhớ thuở tâm cầu phong
 trước gió.
 Bưng khuâng kẻ khuất với người còn,
 21 Mừng tượng thấy đầu thì tở đó.
 Mịt mù gió trốt thời dầu tha hương,
 22 Nhấp nháng lửa trời soi miến cỏ độ.
 Miến phò định tới nơi còn dung rười, ngụ lòng một lẽ chén
 rượu thoi vàng ;
 23 Chử giữ đồng gấm lại cũng đình ninh, chung mặt ba quân cờ
 điều nón đỏ.
 Cảm phu đều tới trước khuyên mời,
 24 Linh thỉnh hãy nghe trong dặn dỗ.
 Trường chiến tranh hoặc là oan hay chẳng, cũng không nệ kẻ
 trước, người sau, hàng trên, lớp dưới, khao tề rồi lại biểu
 tâu cho,
 Lương chớ che đành chẳng hẹp nơi nao, hoặc ai còn cha già,
 mẹ yếu, vợ góa, con côi, an tập hết cũng châu tuất đủ.
 Hình thể đầu đến ngày tháng Thuận, Nghiêu.
 25 Hải cốt đó cũng nước non Than, Vũ.
 Máy huyền tạo thẳng trăm chưa tở, linh thì về cô quận để hương
 thom đèn sáng, kiếp tái sanh lại nhờ cửa tiền quân ;
 26 Niềm tôn thân, sanh tử chẳng quên, linh thì hộ bốn triều cho
 biển lặng sóng trong, đời muôn kỷ không day nên bửu tộ.

Ngô hường.

VĂN THU-KHOA NGAI TẾ VỢ

- ¹ Gió nữ phật phơ, mưa ngẫu lác đác.
Duyên Bình-thủy sum vầy đã tan rã, ngạt ngào bọt nước sóng xao.
- ² Đuộc loan phòng tỏ rạng phút khêu lờ, sáng sột ngọn đèn gió tạc.
Nhớ linh xưa :
- ³ Tánh đức son vàng, tình không đen bạc.
Chen dưới nguyệt vóc tròn hơn nguyệt, phòng huê đã rục rỡ
gương trinh ;
- ⁴ Ở trong trần mà chẳng nhuộm trần, vườn dâu khỏi lấm như bụi cát.
Trong vẩy màu bùn cũng đục, những dự sang giàu, của trăm
xe đưa rước nào màng,
- ⁵ Nghèo mang khô chuỗi mà khôn, phải duyên đầm thắm, cầu
mây nhiếp xa xuôi gánh gác.
- ⁶ Ở với mẹ đã trọn niềm hiếu hạnh, chịu lòn theo làn lý với anh em,
⁶ Lúc theo chồng dư biết chữ xướng tùy, đẹp đẽ với xóm diềng
cùng chú bác.
- ⁷ Ưa mùi đạo khuyên chồng nậu sữ, nam tử may nợ nước đến bồi,
⁷ Thảo thờ thân giữ phận chưng lễ, nữ công trọn giếng nhà
gánh vác.
Trường khoa mục qua mong chí cả, ít nhiều đã mở mắt với
non sông,
- ⁸ Nhà hàn vi bậu dộc tay núng, may mắn đặng cất đầu cùng
bạn tác.
Chồng vợ thắm đều không cha mẹ, em luông than phận khéo
lẻ loi ;
- ⁹ Cậu cô hòa một cửa anh em, tình vui thuận lời không chích mác.
Công danh lỡ vì mang bịnh quỉ, em chẳng phải như vợ Mãi-
thần ngày trước, thời chưa nên làm thói dễ dôi,
- ¹⁰ Khó hèn cam nào dám trách trời, bậu chẳng phải như vợ Tô-
tấn ngày nọ, vắn chưa đặc đăm lòng khi bạc.
Phận khó khăn yếu đuối, vóc liễu bỏ đầu dải nắng mưa,
- ¹¹ Con nhỏ dại thơ ngây, tay chủ quỉ không rời thước tấc.
Ở theo thì, làm theo thê, qua khỏi tuần sấm đất tan bìa,
- ¹² Bay kịp chúng nhảy kịp thì, mới đặng hưởng gió trần đưa các.
Ăn cần ở kiệm, giàu không khoe khó cũng không đua,

- ¹³ Mua nghĩa chác nhờn, trước chẳng phai sau chẳng lạt.
Chữ thê từng phu quỉ, em nan than chẳng nhờ của cũng nhờ công;
- ¹⁴ Câu phụ tác tử thừa, bậu nong nả chưa nên vai đã nên vác.
Nghiep tiên thê anh lo gây dựng, mắng thắm đã mở mắt với
hương lân,
- ¹⁵ Đạo thánh hiền bậu dộc khuyên dương, gắng vó đã nên gương
cùng hậu giác.
- ¹⁶ Ôc đã hết lúc gian truân, hay chưa tới chừng hanh đạt.
Bồng dàu khiến gió giay mưa tạt, non hoa hạc lặn trảm trảm,
- ¹⁷ Nào hay nòi vật đòi sao đời, cửa sỏ ngựa qua thoát thoát.

Ôi !

- ⁸ Sông Lệ vàng chìm, non Côn ngọc nát.
Cảnh giai lão trách lòng trời đất, khó có nhau giàu cũng có nhau;
- ¹⁹ Quỉ vô thường làm cuộc bể dâu, vật tráo chác người sao tráo chác.
Con sáu tuổi thơ ngây một bóng, em bao đành nhắm mắt tằm tiên,
- ²⁰ Chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỗi sấp lưng cõi hạc.
Ai mượn lão Diêm-phù rước khách, mẹ lia con vì gã khiến ức oan,
Ai mượn người Quỉ-bá đưa người, chồng xa vợ ở người nên
bạc ác.
Chữ đại đức tât đặc kỳ thọ, đọc tới phát buồn,
- ²² Câu tích phước tât hữu dư khương, nghe càng thêm lạt.
Qua đê bậu chẳng bằng tiền đũa, phận phận gương chẳng kịp
nửa giờ ;
- ²³ Trời giết người chi sá gươm dao, chừng nghèo ngạt không
đây một lát.
Đêm khuya hãy nưng niêu một trề, nghĩ từ cơn ruột tợ kim châm,
- ²⁴ Ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từ chặng gan đường muối xót.
Cuộc long hồ lập rồi ba tác đất, ôi thời rồi má phân hồng nhan,
- ²⁵ Bận phụng loan phân rẻ một phương trời, lo đáo đê duyên đơn
phận bạc.
Đã biết kiếp thác là kiếp mật, tâm lòng thành đủ bày tuấn chay.
- ²⁶ Cho hay người mật mà nghĩa còn, thò lể lể vai mằm mằm lạt.
Hỡi ôi tiếc thay ! Hỡi ôi thương thay !

VĂN CHA MẸ TE CON GÁI.

Hỡi ôi! Phải căn sô ít duyên ít phước, thì không phứt đi cho rồi;

- ¹ Làm chi cho nên về nên vai, mà mặt như vậy đặng!
- Giận bây lão càn khôn bạc ác, chọc chọc hấn không vì;
- ² Hém thay con tạo hóa có trêu, ben ben tao muôn mắng.

Nhớ linh xưa.

- ³ Tánh rất thiệt thà, tình nên ngay thẳng.
- ⁴ Ăn chời ở lở vôn không, đôi mách ngói lê cũng chẳng.
- Thào với cha lành với mẹ, như bát nước ý không xao;
- ⁵ Ra cùng xóm ở cùng diêng, ước hột cơm đà chẳng cần.
- Chị hay niềm em hay nỡ, ai mà chẳng dàu chẳng yêu;
- ⁶ Ăn bữa trước lo bữa sau, mẹ đã khỏi dò khỏi dặn.
- Tai quái bãi buổi trôi kệ, khôn lanh chẳng qua thiệt thà.
- ⁷ Lăng lơ thừa thiêu trôi ai, khéo léo không bằng ngay thẳng.
- Đời nào biết làm giọng ành giọng e mà đức tớ, có giận thì la cái giếng nó lộn rỗng.
- ⁸ Đời nào hay cầm cái roi cái vọt mà đánh em, có giận thì mắng cái thàng sao nó rắn.
- ⁹ Hẹ là con từ ấy nhần nay, đi đâu mặt một đàng thàng rằng.

Ôi

- ¹⁰ Nước chảy huê trôi, sao đời nguyệt lặn.
- Nghiệp trăm năm từ ấy mà thôi,
- ¹¹ Vàng ngàn lượng để mô cho đặng.
- Nhớ tới tiếng con cười lời con thốt, càng thêm chua thêm xót đời con,
- ¹² Nhớ tới cách con đưng dạng con ngồi, luồng đề nhớ đề thương từ chẳng;
- Đường ra ngà vào còn đó, con đi đâu cho rêu cỏ mọc xanh,
- ¹³ Thúng may rỏ vá còn đây, con đi đâu cho mộc meo dóng trắng.
- Thầy con đề, cha mừng đà hết lớn, mừng thì mừng mà dạ hầy bằng sương,
- ¹⁴ Nghe con la, mẹ sợ một diêng hôn, sợ thì sợ chạy trời không khỏi nắng.

- ¹⁵ Nỗi con phận đã rui ro, chút cháu lại không may mắn
- Nay mẹ còn lác lẻo, e khi khói lạnh nhang tàn,
- ¹⁶ Mai mẹ có rụng rời, lầy ai giữ mớ hoang cỏ lảng.
- Chưa có dàu, nhờ một chút con,
- ¹⁷ Còn chàng rẻ, kẻ chi cái thàng.
- ¹⁸ Dân già kẻ đặng bao lâu, nay giáp lại liền năm năm chán.
- Có con biết không con cũng biết, đĩa muối dưa tạm đặt lưng voi,
- ¹⁹ Sông cho khôn thác cũng cho khôn, tình sông biển dễ từ lạt mặn.
- Nước mất không khi nào ráo, mạch sâu nấy ai múc cho hao,
- ²⁰ Đoanh lòng dễ biết mây chiu, dây thắm nợ ai tế cho vắn.

Phục duy.

THAO THỮ HỊCH

- ¹ Tượng mắng : Lê trời sanh vật, vật ấy nhiều loài.
- ² Lầy câu thuận tánh làm lành, thầy chữ nghịch thương mà ngán.
- Nhỏ là loài ong kiến, còn biết nghĩa quân thần.
- ³ Lớn là loài hổ lang, cũng niệm tình phụ tử.
- Kìa như nha báo tai, thược báo hỷ, đời cũng nhờ lành dữ đem tin;
- ⁴ Nợ như khuyến thù dạ, kẻ tư thân, người còn cậy sớm khuya an giấc.
- Lò tạo hóa nhúm nhen khắp vật, vật nào hay khuấy rối sự nhà;
- ⁵ Thợ hóa công đúc nắn nhiều loài, loài nào dám xoi hao mạch nước.

Nay có con chuột :

- ⁶ Lông mọc xôm xàm, tục kêu xù lặc;
- ⁷ Tánh hay ăn vặt, lòng chẳng kiêng dè.
- Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bé,
- ⁸ Đường qua lại đào ra hai ngách.
- Nghe hơi động vôi vàng chạy mặt, tròn xuôi tròn ngược, nhát quá mẹ cheo;
- ⁹ Chờ đêm khuya sẽ lên túc nhau, bỏ dọc bỏ ngang, liền hơn cha khi,

Gọi danh hiệu chuột xạ, chuột lặc, chuột xù, chuột công, anh em
 dòng họ nhiều tên ;
¹⁰ Tra quán chỉ ở nhà, ở ruộng, ở rạch, ở ngòi, bậu bạn non sông
 lắm lời.
 Lớn nhỏ rằng đều bốn cái, ăn của người thâm tối biết bao nhiêu ;
¹¹ Vắn dài râu mọc hai chia, vắng mặt chủ lung lảng đã lắm lúc.
 Vả sáu mươi giáp huê đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm ;
¹² Thì mười hai chi tuê ở đâu, cũng đáng cư nhưn do ngãi.
 Có sao lại đăm lòng qui quái.
¹³ Có sao còn làm thói gian tham :
 Túi Đông-pha thường bừa tha gừng,
¹⁴ Ruộng Nam-quách ghe phen cần lúa.
 Nếp gạo của trời nuôi mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang,
¹⁵ Nệm mền của chúng che thân, cần nát hết lại tha vào lỗ.
 Hoặc nằm ngựa cần dưới tha trắng vệt, gây nên thặng tứ chịu đòn oan ;
¹⁶ Hoặc leo dây ngóng cổ gặm giò heo. để án con đòi mang tiếng khờ.
 Vậy cũng gọi mình hay ngũ kị,
¹⁷ Vậy cũng khoe ngôi trước tam tài.
 Chẳng xét mình vô nuốt dưới cầu,
¹⁸ Lại quen thói lẩn mò bên vách.
 Sách Lỗ-sử biên câu thực giác, vì miệng ai cho nên vua lỗi đạo
 thờ trời ;
¹⁹ Thơ Quốc-phong để chữ thực miêu, vì miệng ai cho nên dân xa
 làng bỏ đất.
 Ghe phen trách quân hư áo lung, vì miệng ai cho nên chồng vợ
 giận nhau ;
²⁰ Nhiều chỗ than vách gã thêm xiêu, vì miệng ai cho nên cha
 con dứt bản.
 Nền xã tắc là nơi báo hổ, can chi mi đảo lỗ đảo hang,
²¹ Chôn miêu đường là chỗ thanh tân, có chi người cần màng cần sáo.
 Kẻ trịnh nữ ghét thằng cường bạo, cũng còn mang cái tiếng
 thứ dâm,
²² An long đồ tra đưa gian tà, hãy còn mắc cái câu thử thù.
 Gôi ngòa chú Nghiêu phu đã đến bề, khen cho qui quái chàng
 chừa,
²³ Gậy phi long Linh kiệt đã tưng bừng, sao hãy yêu tinh không
 góm.

Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thân hậu thiệt tướng
 gian,
²⁴ Diển cảm bốn bảy vì sao, phải biết hư nhưt là sao dữ.
 Sáu hiểm bày tâm lòng nghiệt thử, cục cút ra cũng nhọn hai đầu,
²⁵ Báu xót chi manh áo thử cầu, tâm da lột không dấy ba tấc.
 Tuy là tướng hữu bi hữu chât,
²⁶ Thật là loài vô lễ vô nghi.
 Luận tội kia đã đáng phân thi,
²⁷ Thứ tay nọ cũng vì kiếng vật.
 Giận là giận trộm đầu bàn phạt, tròn án mà xưng vương.
²⁸ Cầm là cầm cần sách kẻ nhu, đánh lòng mà phá đạo.
 Ngao ngán bày cái thân chuột thú, biết ngày nào Ô-thước
 phanh phui.
²⁹ Nực cười thay cái bụng chuột tham, uông bao thuở Huynh-hà
 rảo cạn.
 Ví có ngàn dòng nước khảm, khôn bé rửa sạch tội da dâm,
³⁰ Dầu cho muôn nén vàng-đoài, cũng khó mua riêng hình bất xá.
 Tội đường ấy đã nên ác quá,
³¹ Ta tới đây há dè nhiều dung.
 An tiên phong này gã rắn rồng,
³² Phù hậu tập sai chim bà cắc.
³³ Sấm sừa binh sừng giáp sắt, trau giới ngựa gió xe trắng.
³⁴ Gió trông sấm xuất binh, phât cờ sao lập trận.
 Đuộc Diển-đơn sấm sẵn, để phòng khi un đốt ngách u vi,
³⁵ Đền Lý-bạch đá tuyền, dặng chờ thuở xét soi hang uật khúc.
 Các các chình tế sĩ tốt, nghe lệnh thân theo tướng quân mèo,
³⁶ Hàng hàng bỏ liệt thương đao, nhập sào huyết phá hó lỗ chuột.
 Phải nghe ta dặn : sấm sừa đủ đó :
 Cuộc xuống đào hang,
³⁸ Phãng mai chận ngách.
 trá, trách, nói, niêu rửa sạch, thương kỳ phù địch khái chi tâm,
³⁹ Tiêu, hành, sả, ớt, muối dâm, thứ dĩ tạ chúng nhưn chi khẩu.
 Chớ dè con nào sơ lậu, phải ra tay lập lỗ tam bành,
⁴⁰ Đứng cho chúng nó sảy ra, phải hết sức trừ đổ lục tặc.
 Bốn phương đều ngợi chữ thặng bình,
⁴¹ Thiên hạ cũng vui câu án đồ.

VĂN TẾ CON CỐC

Tự tập thêm đông cỏ lán, thương ý thương lòng muối nhóm
lao xao.

- ¹ Lem hem lêu bắc rêu tường, túi chạnh túi môi trùn bò lỗ xô.
- Sao đã tìm quê ở nơi mô,
- ² Sao lại bỏ chỗ ngôi còn đó.

Nhớ cóc xưa :

- ³ Thỏ giông thêm thừ, bình in mạnh hổ.
- Hai tay chông đất, dọc ngang ao giếng cũng đua bơi,
- ⁴ Nửa mặt dòm trời, cao thấp núi non đều nháy bộ.
- Tên người kêu hai thê, có bạc có vàng,
- ⁵ Áo mình bận một màu, không đen không đỏ.
- Lêu chàng Nhan, chòm nhóm bên nôi,
- ⁶ Bêp họ Phạm, xom rom lồi chỗ.
- Trận mưa bạch đàn, khi thì ngôi chồm hòm dưới râm.
- ⁷ Cơn gió huỳnh hôn, khi thì xập chèo ngoài ngõ.
- Nghiên răng hém xóm kiên, cay đắng đã mềm một lá gan,
- ⁸ Phùng má giận bầy rùi, gai gộc nào êm hai gáy cổ.
- Sù sì da những ghè, gôi lại dùi,
- ⁹ Trì trộm mắt còn trong, tai hấy tổ.
- Bối thời, bối vận, bối mạng, da phải về nậu ung xỉ phơi,
- ¹⁰ Vì sô, vì hệ, vì trời, gan lại bị đoàn cam tích mỡ.

Ôi!

- ¹¹ Tươi thoát nên khô, béo đã hóa vò.
- ¹² Sương dấm dề ở môi hang chôn, mưa dối dả đông rơm bụi cỏ.
- Nước chảy trì đường róc róc, động lòng ương, ương rầu, ương
khóc om sòm,
- ¹³ Gió đưa li xá hiu hiu, hém dạ nhái, nhái túi, nhái ngôi xo rỏ.
- Thêm đông man mác, êch than rằng : bối vì ai nên dứt nghĩa
bà con ;
- ¹⁴ Đông loạn mịt mù, hiều chạnh túi, bối vì ai nên dứt niềm mây mờ.
- Môn sâu héo dọt, cảm phôi loài xót xáy chôn ô nê,
- ¹⁵ Ráy ủ tàn bông, thương hài cốt trần trường nơi vô lộ.
- Ngồi trót đời chíp miệng, cóc khô. cóc chằng thầy giàu,
- ¹⁶ Nằm một giắc phui tay, cóc rác cóc dả hết khó.

Hỡi ôi ! tiếc thay !

VĂN TẾ BẦU RƯỢU

Gió mây sương móc dưới chín tầng, đầu chằng màn trời,
¹ Nước lửa vàng cây trong bốn biển, đầu không bầu bạn.

Nhớ bầu xưa !

- ² Huê cô bà con, rầy vòng quê quán :
- Thuở bé túi tốt tươi đường liễu lục, đơm bông đơm trái. mắt
túy ông dòm giò đòi con,
- ³ Khi lớn khôn chuôm chim thợ đào thơ, vò cỏ vò đầu, tay bô chủ
nung niêu đòi đoạn.
- Bò dưới đất, lán diêng vai dưới, chằm bện lá lành lá rách, đưa
chuột với dưa gang,
- ⁴ Leo lên giàn, bận tác bực trên, hăm hiều bữa sớm bữa trưa, đậu
rồng cùng đậu vàng.
- ⁵ Vay vò chằng tiếng thị phi, dài vấn không lời ân oán !
- Mừng quốc trị thái bình hành lạc, bạn ca công vui bực tài tình ;
- ⁶ Khi thiên thời hàn nhiệt bất kỳ, theo y sĩ cứu người tật nạn.
- Nơi tữ diêm hém sôi rượu nóng, ráng công cùng thiếu nữ, chi
sờn than lửa lúc ra tro,
- ⁷ Chôn chiến trường cờ phật trông rung, hết sức với Đào công,
hằng giúp thiên oai khi tông đạn.
- Trước giận Trụ, chứa một ao ngưi tửu, nên đành lòng tới rước
quân Châu ;
- ⁸ Sau giận Tần, lung sáu nước kinh thân, phải trở dạ về theo vua
Hán.
- Những tưởng dù tân dù lão, như mùi cương què, ước thân thê
hỡi con lâu,
- ⁹ Nào hay cứ xuất cử một, như cái phù du, thương bậu trần duyên
đã mãn.
- Nơi Trại Cui đời chơn giờ sừ, chi đó nặng nề mây chút, cắt nhẹ
thưng quày xách bầu theo,
- ¹⁰ Giống Cao-man quày gót giò thìn, thương ôi cách trở một giây,
nghe cái địch nước trôi bầu cạn.

Ôi!

- ¹¹ Gió thổi lẻ viên, sương trùn lan hoàn.
- Ngậm ngùi bàng lán khúc tranh,
- ¹² Dầu dả sáu nghe tiếng quán.

Hay là đôi phong lưu họ Lý, vui ngâm thơ thưởng nguyệt cho nhàn.

¹³ Hay là theo thú vị ông Nhan, ưng lạc đạo ưu bản chẳng quản. Nghĩa đồng tánh là bầu sao, bầu thúng, nghe bầu tan rơi lụy song linh,

¹⁴ Tình tương thân là bí rợ. bí đao, nghe bầu vỡ phân trường cứu đoạn.

Tiệc ý tiệc, ngày xuân tiệc ngọc, măn đường tân khách, bậu đỡ qua giữ việc khuyên mời ;

¹⁵ Thương là thương, vạn lý quan san, khi lên ải xuống đèo, qua có bậu đỡ lòng ngao ngán.

Hai quai còn đó, ai gồng ai gánh bậu đi đâu, cho qua bữa uông hăng trông,

¹⁶ Một tụi còn đây, ai quảy ai mang bậu đi đâu, cho qua bữa ăn hăng nghẹn.

Ngó ông đông nóng ruột bi ai,

¹⁷ Thấy bình tích đau lòng ta thán.

Nhớ khi đứng đầu táng, ngồi đầu tháp, mòi mắt trông mừng tượng hình dung,

¹⁸ Tưởng khi thêu bức găm vẽ bức tranh, đau lòng tiếc chùng khi thưởng ngoạn.

Kể từ bậu xa xuôi khách địa, bầu tiên ông khoái lạc trung thiên,

¹⁹ Lại từ đây sạch hết trần duyên, bầu thể giải thanh nhàn ngoại hạn.

Đưa ba hàng gọi có ước xưa,

²⁰ Thông chín suối đừng ai ngăn cản.

Hỡi ôi ! Thương thay !

VĂN TÊ VONG HÓN MỘ NGHĨA

Tự đức thập tứ niên, thập nhứt ngoạt, thập ngũ ngựt chi dạ, thông quán (Bùi-quang-Mổ) suất tương nghĩa binh tự Cán-giộc công phá dương huyện, thiêu đặc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tịnh Chà-và Maní đảng, nghĩa binh trận vong, cai thập ngũ danh, kỳ tú tài Nguyễn-dình-Chiều ; phụ tê văn :

Sùng giặc dật rên, lòng dân trời tỏ : Mười năm công võ ruộng,
xưa ất còn danh nổi như phao.

Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mò.

Nhớ linh xưa !

Cui cút làm ăn, riêng lo nghèo khó :

Chưa quen cung ngựa, đua tới trường nhung,

Chân biết ruộng trâu, ở theo làng hộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan
như trời hạn trông mưa ;

Mùi tinh chiến vấy vá đã ba năm, ghét thời mọi như nhà nông
ghét cò.

Bữa thầy bông bong che trắng lộp, muôn tới ăn gan ;

Ngày xem ông khói chạy đen sì, muôn ra cần cò.

Một môi xa thơ đô sộ, há để ai chém răn đuôi hươu,

Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen nấy xin ra sức đoạn kinh,

Chẳng thêm tròn ngược tròn xuôi, chuyen nấy dộc ra tay bộ hổ.

Khá thương thay !

Vôn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lính diễn
binh,

Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mên nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám bang võ nghệ, nào đợi tập rèn ;

Chín chục trận binh thơ, không chờ bày bô.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tâu, bầu ngói ;

Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

Hoa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia ;

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém đặng đầu
quan hai nọ.

Chỉ nhọc quan quân giống trông kỳ, trông giục, đập rào lướt
tới coi giặc cũng như không ;

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều
mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho Ma-tà, Ma-ni
 hôn kinh ;
 Bọn hè trước, lũ ó sau, trôi kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.
 Những lăm lòng nghĩa sau dùng, đâu biết xác phàm vội bỏ !
 Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay yên ngựa chở thầy ;
 Trăm năm âm phủ ấy chữ qui, nào đợi gươm hùm treo mộ.
 Đoái sông Càn-giộc, cỏ cây mây dậm sáu giảng ;
 Nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.
 Chẳng phải án cướp, án gian dày tới, mà vi binh đánh giặc
 cho cam tâm ;
 Vôn không giữ thành, giữ bảo bỏ đi, mà hiệu lực theo quân
 cho đáng sô.
 Những nghĩ rằng : tác đất ngọn rau ơn chúa, tái bồi cho nước
 nhà ta ;
 Bát cơm, manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.
 Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ;
 Vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.
 Sông làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc,
 thấy lại thêm buồn ;
 Sông làm chi ở lính Ma-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì. nghe
 càng thêm hồ.
 Thà thác mà đặng câu dịch khái, về theo tổ phụ cũng vinh ;
 Chẳng thà còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với Man-gi rất khổ.

Ôi thôi thôi !

Chùa lão Ngộ năm canh ửng đóng lạnh, tâm lòng son gởi lại
 bóng trăng rằm ;
 Đôn Tây-dương một khắc đặng trà hờn, túi phận bạc trôi theo
 dòng nước đỏ.
 Đau đớn bây mẹ già trông con trẻ, ngọn đèn khuya leo lét
 trong lều ;
 Nào nóng thay vợ yêu chạy tìm chồng, con bóng xê dạt dờ
 trước ngõ.
 Ôi ! Một trận khói tan ; ngàn năm tiệt rõ.
 Binh tướng nó hãy đóng sông Bên ghé, làm cho bên phía
 mây đen ;

Ông cha ta còn ở đất Đông-nai, ai cứu đặng một phương con đó.
 Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng
 đều khen ;
 Thác mà ửng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai
 cũng mộ.
 Sông đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ
 binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;
 Sông thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đành rành, một
 chữ âm phù đến công đó.
 Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ Thiên dân ;
 Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Hỡi ôi ! có linh xin hương :

CHUNG.



MỤC LỤC

	Trang.
Ca trù thể cách.....	4
Thơ ngũ canh.....	12
Thơ ngũ canh xưa.....	13
Thơ bá gia.....	15
Tân cung oán.....	22
Văn tiến quân.....	25
Văn thủ khoa Ngải tề vợ.....	28
Văn cha mẹ tề con gái.....	30
Thảo thứ hịch.....	31
Văn tề con cóc.....	34
Văn tề bầu rượu.....	35
Văn tề vong hồn mộ nghĩa.....	36